

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 90/2024/DSST

Ngày: 03/5/2024

“ V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý
2. Ông Phạm Ngọc Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/TLST-DS ngày 02/11/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXX-ST ngày 27/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-DS ngày 15/4/2024, giữa các đương sự :

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266 - 268 N, P. 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C - Nhân viên Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Bình Định - Phòng giao dịch L (theo giấy uỷ quyền ngày 02/11/2023) (anh Chinh có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Chị Lê Thị Phương T, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

HKTT: Tổ 53, KV 10, P. Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên hệ: 81/35 Ngô Mây, P. Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S - Ông Trần Văn C trình bày:

Ngày 17/08/2022, chị T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, chị T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 58.189.091 đồng.

Chị T bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 10/09/2022 đến ngày 15/08/2023 chị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.311.553 đồng, còn nợ ngân hàng 24.380.335 đồng (Trong đó tiền gốc 17.877.538 đồng, tiền lãi và phí 6.502.797 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 03/05/2024, chị T còn nợ các khoản sau:

+ Nợ gốc: 17.877.538 đồng

+ Lãi đến ngày 15/08/2023: 6.502.797 đồng.

Lãi quá hạn từ ngày 15/08/2023 đến ngày 03/05/2024 là 262 ngày x 17.877.538 đồng tiền gốc x 0,09233%/ngày x 1.5 = 6.486.988 đồng.

+ Tổng cộng lại và gốc tính đến ngày 03/5/2024 là: 30.867.323 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với chị T, yêu cầu bà Thảo có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để chị T trả nợ, tuy nhiên chị T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP T yêu cầu Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn buộc chị Lê Thị Phương T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/05/2024 tổng cộng là 30.867.323 đồng

Bị đơn chị Lê Thị Phương T được Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập họp lệ để chị T đến tòa khai báo, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không đến tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

+ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự : Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn chị Lê Thị Phương T không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật TTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc chị Lê Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/05/2024 tổng cộng là 30.867.323 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/5/2024 cho đến khi chị T trả hết nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Lê Thị Phương T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn đang cư trú tại 81/35 Ngô Mỹ, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự .

[3] Về nội dung: Căn cứ thu nhập của chị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân lãi suất là 2,77%/tháng (0,09233%/ngày). Sau khi được cấp thẻ, chị T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 58.189.091 đồng.

Chị T bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 10/09/2022 đến ngày 15/08/2023 chị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.311.553 đồng, còn nợ ngân hàng 24.380.335

đồng (Trong đó tiền gốc 17.877.538 đồng, tiền lãi và phí 6.502.797 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu chị Lê Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả số nợ lãi nợ gốc: 17.877.538 đồng, Lãi đến ngày 15/08/2023 là 6.502.797 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 15/08/2023 đến ngày 03/05/2024 là 262 ngày x 17.877.538 đồng tiền gốc x 0,09233%/ngày x 1.5 = 6.486.988 đồng. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 03/5/2024 là: 30.867.323 đồng

HĐXX xét thấy: Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất, sau khi vay chị T trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi 40.311.553 đồng, rồi từ đó đến nay không trả nữa là chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu chị T phải số tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 03/5/2024 là: 30.867.323 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/5/2024 cho đến khi trả hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận; Buộc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử :

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1.1. Buộc chị Lê Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 30.867.323 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi ba đồng*).

1.2. Chị Lê Thị Phương T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 04/5/2024 cho đến khi chị T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, mức lãi suất được tính theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đã được ký kết ngày 17/8/2022 giữa Ngân hàng và chị T.

2- Án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương T phải chịu 1.543.366 đồng (*một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S 609.500 đồng (*sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000013 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

-VKSND Tp. Quy Nhơn
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Trọng Hiền